

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● NGUYỄN ĐỨC HẢI

TÓM TẮT:

Việt Nam đang tham gia ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại đã mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các ngành sản xuất trong nước khi hội nhập và phát triển với nền kinh tế thế giới, trong đó có ngành Sản xuất thức ăn chăn nuôi (TĂCN). Đánh giá ảnh hưởng của các Hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết đối với ngành TĂCN mà đơn cử là Hiệp định Thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 cho thấy, ngành Chăn nuôi sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gia tăng từ các sản phẩm nhập khẩu từ EU. Các sản phẩm thịt lợn đông lạnh sẽ được miễn thuế sau 7 năm, thực phẩm chế biến sau 7 năm và thuế suất đối với thịt gà sẽ giảm dần về 0% trong 10 năm, trong khi mức thuế trước đây từ 10%-40%. Tuy nhiên, thời gian qua, mặc dù thịt nhập khẩu có giá khá rẻ nhưng đa phần người dân vẫn có thói quen tiêu dùng thịt nóng hay thịt sản xuất trong nội địa. Điều này khiến cho áp lực cạnh tranh từ hiệp định EVFTA mang lại không quá lớn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến những cơ hội và thách thức lớn của ngành Sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam. Bài viết sẽ điểm lại thực trạng của ngành và đặc biệt là đưa ra các giải pháp với mong muốn là góp phần nhanh chóng đưa ngành Sản xuất thức ăn chăn nuôi của Việt Nam đáp ứng với tình hình mới.

Từ khóa: thức ăn chăn nuôi, hội nhập, hội nhập quốc tế.

1. Thực trạng sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam đến năm 2021

Tính đến cuối năm 2019, cả nước có 265 cơ sở sản xuất TACN công nghiệp thì đến năm 2021 con số là 269 cơ sở với tổng công suất thiết kế là 43,3 triệu tấn, trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 51%, trong nước chiếm khoảng 49%. Sản lượng TACN công nghiệp của cả nước năm 2019 đạt 18,9 triệu tấn, đến năm 2021 đạt 21,9 triệu tấn, tăng 15,9%. Để đáp ứng sản lượng TACN công nghiệp như đã nêu trên, nước ta cần số lượng rất lớn

nguyên liệu thức ăn tinh. Năm 2021, cả nước cần trên 33 triệu tấn, trong đó trong nước cung cấp được khoảng 13 triệu tấn (chiếm khoảng 40%), số còn lại từ nguồn nhập khẩu (22,3 triệu tấn).

1.1. Sản lượng thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021

Theo ước tính của VnFeedNews, tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi của Việt Nam 2021 đạt hơn 22,9 triệu tấn, giảm 7,7% so với năm trước.

Trong đó, sản lượng thức ăn chăn nuôi cho heo và gia cầm ước tính đạt lần lượt 11,6 triệu tấn và

Bảng 1. Ước tính sản lượng thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021 (triệu tấn)

Tiêu chí	Gia súc	Gia cầm	Thủy sản		Tổng
			Cá	Tôm	
Thức ăn chăn nuôi công nghiệp (triệu tấn)	11,67	6,92	3,44	0,88	22,92
Thay đổi so với năm trước (%)	-6,00	-8,00	-12,00	-12,00	-7,73

Nguồn: VnFeedNews tổng hợp

6,92 triệu tấn, giảm 6% và 8% so với năm trước. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong năm 2021 khiến hoạt động sản xuất thức ăn gia súc và gia cầm của các nhà máy gặp khó khăn trên khắp cả nước. Các nhà máy nhỏ và vừa sản lượng có sự sụt giảm mạnh, có thể lên tới 20 - 30% so với năm trước, còn các nhà máy lớn có vốn đầu tư nước ngoài sự sụt giảm là ít hơn.

Tương tự, hoạt động sản xuất thức ăn thủy sản của Việt Nam trong năm 2021 cũng phải chịu những tác động rất tiêu cực do đại dịch Covid-19 gây ra. Khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 9/2021, khi các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 được siết chặt tại các tỉnh miền Nam, nhiều nhà máy thức ăn chăn nuôi phải cắt giảm mạnh sản lượng xuống chỉ còn 50% so với thông thường hoặc thậm chí tạm ngừng hoạt động.

VnFeedNews ước tính sản lượng thức ăn cho cá và tôm của Việt Nam trong năm 2021 giảm khá mạnh 12% so với năm trước, xuống còn 5,1 triệu tấn, gồm 4,1 triệu là thức ăn cho cá và khoảng 1 triệu tấn thức ăn cho tôm.

Các con số về sản lượng thức ăn chăn nuôi được VnFeedNews ước tính dựa trên tình hình chăn nuôi năm 2021 vừa qua đối với mỗi loại vật nuôi và có tham khảo những con số từ các báo cáo của nhiều đơn vị như Tổng cục Thống kê, Cục Chăn nuôi,... cùng với nhiều tham khảo ý kiến từ các chuyên gia trong ngành.

1.2. Nhu cầu tiêu thụ một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi năm 2021 (Bảng 2, Bảng 3, Bảng 4, Bảng 5)

1.3. Đánh giá thực trạng sản xuất thức ăn nuôi ở nước ta

1.3.1. Đánh giá thành công

Ngành Thức ăn chăn nuôi (TĂCN) đã giữ vững mức độ tăng trưởng về số lượng và công suất thiết kế của cơ sở sản xuất. Theo thống kê của Cục Chăn nuôi, năm 2011, cả nước có 233 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất thiết kế đạt 16,1

triệu tấn, đến năm 2019 có 264 cơ sở với tổng công suất thiết kế đạt 40,5 triệu tấn. Mặc dù số lượng cơ sở sản xuất TĂCN trong giai đoạn 2011-2019 chỉ tăng 13,1% (tương đương 1,48%/năm), nhưng công suất thiết kế đã tăng 151,6% (tương đương 16,8%/năm). Năm 2011, công suất thiết kế trung bình của một cơ sở là 69,1 nghìn tấn/năm, đến năm 2019 là 154,0 nghìn tấn/năm (tăng 2,2 lần). Như vậy các cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô nhỏ đã dần được thay thế bởi các cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và lớn.

Cùng với đó, sản lượng TĂCN cả nước không ngừng tăng, cụ thể, trong giai đoạn 2011-2019, sản lượng thức ăn chăn nuôi liên tục, tốc độ trung bình 8,1%, đưa sản lượng thức ăn chăn nuôi từ 11,5 triệu tấn năm 2011 lên 20,2 triệu tấn trong năm 2016 và 19,0 triệu tấn năm 2019 và ước đạt 20,5 triệu tấn năm 2020, đưa Việt Nam trở thành quốc gia đứng thứ 10 trên thế giới và là số 1 trong khu vực ASEAN về sản lượng TĂCN công nghiệp, không chỉ đáp ứng được nhu cầu phát triển chăn nuôi trong nước mà còn xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ngoài ra, công nghệ chế biến TĂCN ngày càng phát triển, cụ thể, dây chuyền và thiết bị chế biến TĂCN không ngừng được cải tiến và hiện đại hóa. Do thị trường TĂCN Việt Nam phát triển muộn và tăng trưởng nhanh, đầu tư hiệu quả nên phần lớn các dây chuyền sản xuất TĂCN đều được đầu tư thuộc thế hệ mới và có xuất xứ từ các nước phát triển như châu Âu, Hoa Kỳ. Hiện nay, số lượng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có dây chuyền sản xuất tự động, bán tự động chiếm khoảng 80%.

Theo ATLAS, tổng tiêu chí đánh giá về công nghệ của ngành công nghiệp chế biến TĂCN của Việt Nam đạt mức khá cao, với 876/1000 điểm. Điều này thể hiện trình độ công nghệ của ngành Sản xuất thức ăn chăn nuôi nước ta đang ở mức khá cao so với các nước trên thế giới. Các doanh nghiệp trong nước đang ngày càng phát triển, mở

Bảng 2. Ước tính nhu cầu tiêu thụ ngô cho thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021 (triệu tấn)

Năm 2021	Heo	Gia cầm
Dùng cho thức ăn chăn nuôi công nghiệp	4,32	2,98
Dùng cho thức ăn chăn nuôi tự trộn	1,82	1,66
Tổng	6,14	4,63

Ghi chú:

Nguồn: VnFeedNews tổng hợp

Tỷ lệ sử dụng ngô trong thức ăn công nghiệp cho heo 37% và gia cầm 43%;

Tỷ lệ sử dụng ngô trong thức ăn tự trộn cho heo 52% và gia cầm 57%.

Bảng 3. Ước tính nhu cầu tiêu thụ khô đậu tương cho thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021 (triệu tấn)

Năm 2021	Heo	Gia cầm	Cá	Tôm
Dùng cho thức ăn chăn nuôi công nghiệp	1,98	0,97	0,96	0,35
Dùng cho thức ăn chăn nuôi tự trộn	0,49	0,26	0,24	0,06
Tổng	2,48	1,23	1,20	0,41

Ghi chú:

Nguồn: VnFeedNews tổng hợp

Tỷ lệ sử dụng khô đậu tương trong thức ăn công nghiệp cho heo 17%, gia cầm 14%, cá 28%, tôm 40%;

Tỷ lệ sử dụng khô đậu tương trong thức ăn tự trộn cho heo 14%, gia cầm 9%, cá 35%, tôm 45%.

Bảng 4. Ước tính nhu cầu tiêu thụ cám gạo nội địa cho thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021 (triệu tấn)

Năm 2021	Heo	Gia cầm	Cá	Tôm
Dùng cho thức ăn chăn nuôi công nghiệp	1,05	0,62	0,93	0,22
Dùng cho thức ăn chăn nuôi tự trộn	0,53	0,44	0,30	0,04
Tổng	1,58	1,06	1,22	0,26

Ghi chú:

Nguồn: VnFeedNews tổng hợp.

Tỷ lệ sử dụng cám gạo nội địa trong thức ăn công nghiệp cho heo 9%, gia cầm 9%, cá 27%, tôm 25%;

Tỷ lệ sử dụng cám gạo nội địa trong thức ăn tự trộn cho heo 15%, gia cầm 15%, cá 43%, tôm 30%.

rộng quy mô và làm chủ được công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến ngang tầm với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, điển hình như DABACO, Masan, GreenFeed, Lái Thiêu, Vina, Hòa Phát,...

Hiện nay, cùng với việc sử dụng các dây chuyền sản xuất đồng bộ có tính tự động cao, các cơ sở sản xuất TACN đã quan tâm nhiều hơn đến việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trước đây, số lượng cơ sở TACN áp dụng hệ thống quản lý chất lượng chỉ chiếm tỉ lệ thấp, khoảng trên 30%, nhưng hiện nay đã có trên 80% số cơ sở có áp dụng ít nhất một hệ thống quản lý chất lượng như ISO, HACCP, GMP

hoặc tương đương, trong đó nhóm cơ sở sản xuất TACN nước ngoài đạt 100%.

Chất lượng và an toàn thực phẩm được nâng cao, nguyên nhân là do có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp và tích cực trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng cùng với việc đầu tư dây chuyền thiết bị công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến trong sản xuất và nhận thức của doanh nghiệp về chất lượng và ATTP trong chăn nuôi được nâng cao mà chất lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp được kiểm soát tốt, bảo đảm nhu cầu về dinh dưỡng cho vật nuôi và an toàn thực phẩm với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, với sự tham gia của nhiều tập đoàn lớn tạo nên sự cạnh

Bảng 5. Ước tính nhu cầu tiêu thụ ngô, khô đậu tương và cám gạo nội địa cho thức ăn chăn nuôi của Việt Nam năm 2021 (triệu tấn)

Nhu cầu tiêu thụ cho thức ăn chăn nuôi	Năm 2021 (triệu tấn)	Tỷ trọng năm 2021 (%)	Tỷ trọng năm 2020 (%)
Ngô	10,78	35,7	37,7
Khô đậu tương	5,32	17,6	17,8
Cám gạo nội địa	4,12	13,7	13,8
Các loại nguyên liệu khác	9,93	32,9	30,8
Tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi (Gồm cả thức ăn chăn nuôi công nghiệp và thức ăn tự trộn)	30,14	100,0	

Nguồn: VnFeedNews tổng hợp

tranh trong thị trường TACN, cũng là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm TACN. Về giá thành sản phẩm TACN, trong giai đoạn 2011-2019, giá TACN tại Việt Nam luôn ở mức trung bình thấp so với các nước trong khu vực, mặc dù nguồn nguyên liệu sử dụng để sản xuất phần lớn phải nhập khẩu và giá TACN công nghiệp trong nước phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động của giá nguyên liệu trên thế giới.

1.3.2. Những tồn tại trong sản xuất thức ăn chăn nuôi

Ngành TACN Việt Nam vẫn đang phải tồn tại những khó khăn như sau:

- Nguồn nguyên liệu TACN nhập khẩu lớn và ngày càng gia tăng; công nghệ sản xuất và quản lý TACN còn thiếu đồng bộ, tự động hóa chưa cao; chi phí đầu vào của sản xuất TACN trong nước cao; hiệu quả đầu tư thấp; phân bố các cơ sở sản xuất TACN công nghiệp không đồng đều. Song dù thế nào, ngành sản xuất TACN của Việt Nam vẫn còn khá nhiều tiềm năng để phát triển. Theo Bộ Canh Nông Hoa Kỳ (USDA) dự báo, thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng kép hàng năm 5,06% trong giai đoạn dự báo để đạt quy mô thị trường 12.270 tỷ USD vào năm 2025. Còn theo kết quả khảo sát của Vietnam Report về triển vọng của ngành TACN trong năm 2021 đã ghi nhận: 57,1% doanh nghiệp đánh giá sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng; 28,6% đánh giá tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút và chỉ có 14,3% tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút. Khảo sát của Vietnam Report cũng chỉ ra 3 xu hướng phát triển nổi bật của ngành TACN trong thời gian tới, đó là: Đa dạng hóa sản

phẩm; Tăng cường sử dụng công nghệ sinh học; Đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa trong sản xuất và quản lý.

- Một điều phải thừa nhận đó là công nghệ sản xuất và quản lý thức ăn chăn nuôi vẫn thiếu đồng bộ, tự động hóa chưa cao, nhất là ở những cơ sở sản xuất nhỏ, chế biến thức ăn bổ sung; chi phí đầu vào của sản xuất TACN trong nước cao, nhất là tín dụng, logistics; hiệu quả đầu tư thấp, nhiều cơ sở sản xuất chỉ khai thác được từ 40-50% công suất thiết kế.

Trong năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 19,6 triệu tấn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, giá trị nhập khẩu 5,7 tỷ USD.

Nguyên liệu TACN nhập khẩu lớn và ngày càng gia tăng, trong đó có nhiều nhóm nguyên liệu mà trong nước có khả năng sản xuất được như DCP, bột máu, bột thịt xương, các chế phẩm vi sinh, thảo dược... Ước tính có tới 65% nguyên liệu thức ăn truyền thống cho sản xuất TACN công nghiệp được nhập khẩu: ngô hạt (nhập khẩu mỗi năm 5,0-7,0 triệu tấn/năm), khô dầu đậu tương và khô dầu hạt cải (nhập khẩu khoảng 4,0-5,0 triệu tấn/năm), DDGS (nhập khẩu khoảng 0,5-1,0 triệu tấn/năm), thức ăn bổ sung các loại (650 000 tấn/năm). Ngoài ra, nhiều nguyên liệu trong nước chưa được khai thác có hiệu quả, như các loại khoáng chất, cây dược liệu, rong tảo biển, phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp; quản trị nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chưa tốt vừa gây lãng phí vừa ô nhiễm môi trường.

Mặt khác, phân bố các cơ sở sản xuất TACN công nghiệp không đồng đều, tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng (các tỉnh như Hưng Yên, Hải

Dương, Hà Nam, Hà Nội, Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương...); ĐBSCL (Tiền Giang, Long An...). Ngoài ra, việc hầu hết TĂCN trong nước được phân phối qua hệ thống đại lý trung gian, việc quản trị và sản xuất theo chuỗi giá trị chưa phát triển dẫn đến giá thành thức ăn còn cao. Cùng với đó, năng lực quản lý nhà nước về TĂCN còn nhiều bất cập, hiệu quả và hiệu lực chưa cao, thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất giữa các bộ ngành và địa phương gây phát sinh khó khăn cho doanh nghiệp và công tác quản lý.

- Khó khăn từ vùng nguyên liệu

Theo ông Tổng Xuân Chinh - Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT), sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và đang chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trên thế giới. Cụ thể, mỗi năm cả nước cần hơn 33 triệu tấn thức ăn chăn nuôi, nhưng thị trường trong nước chỉ cung cấp được khoảng 13 triệu tấn (chiếm 40%), số còn lại phụ thuộc vào nhập khẩu.

"Hiện nay, cả nước có 269 cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) là 90 cơ sở; năng lực sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước còn nhiều hạn chế. Diện tích gieo trồng ngũ cốc - nguồn thức ăn tinh chủ yếu cho chăn nuôi lợn, gia cầm lại không nhiều và năng suất thấp. Các địa phương chưa tận dụng hết nguồn phụ phẩm nông nghiệp, chế biến làm thức ăn chăn nuôi...", ông Tổng Xuân Chinh cho biết thêm.

Còn theo Tổng Thư ký Hội Chăn nuôi Việt Nam Nguyễn Tất Thắng: Việt Nam không có lợi thế trong sản xuất nguyên liệu thức ăn bổ sung, như: Axit amin, vitamin, khoáng vi lượng, phụ gia... Trong khi đó, việc quản lý thức ăn chăn nuôi còn thiếu đồng bộ; công nghệ sản xuất hạn chế, nhiều cơ sở sản xuất quy mô nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu; tỷ lệ hao hụt nguyên liệu cao, chất lượng thiếu ổn định, giá thành thức ăn chăn nuôi cao... Hơn nữa, chi phí cho hoạt động thương mại thức ăn chăn nuôi rất lớn do phần lớn thức ăn chăn nuôi vẫn được phân phối qua kênh đại lý trung gian.

Về nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, theo ông Trần Xuân Định - Tổng Thư ký Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam cho biết, diện tích trồng ngô làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Việt Nam đến nay chỉ khoảng 942.00 ha và đang có xu hướng giảm dần. Không chỉ có diện tích hạn chế mà ngô của Việt Nam cũng

rất khó cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu, bởi các nước như: Mỹ, Brasil, Israel,... có năng suất trồng ngô cao gấp 2-4 lần so với Việt Nam.

Cũng về vấn đề này, theo ông Nguyễn Thành Công - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La, hiện tại diện tích trồng ngô của Sơn La vào khoảng 85.000 ha với sản lượng 364.000 tấn/năm. Trước đây, Sơn La là địa phương có diện tích trồng ngô lớn nhất miền Bắc, nhưng hiện nay nhiều nơi đã chuyển sang trồng hoa quả khiến diện tích trồng ngô giảm đáng kể.

3. Đề xuất các giải pháp phát triển ngành Thức ăn chăn nuôi ở nước ta

Tại nước ta, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm với giá thành cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là khi các hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực và đi vào cuộc sống. Cùng với đó, biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, tình trạng thiếu hiệu quả tài nguyên đầu vào cho sản xuất chế biến sản phẩm nông sản; áp lực quản lý chất thải bảo vệ môi trường ngành công nghiệp chế biến ngày càng lớn, đặt ra yêu cầu tái cơ cấu toàn diện, bền vững.

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa khu vực nông thôn đang diễn ra mạnh, nhất là ở các khu vực ven đô thị. Chăn nuôi có xu hướng dịch chuyển khỏi vùng trung tâm đô thị, vùng ven đồng bằng có mật độ dân số và vật nuôi cao đến những vùng có không gian chăn nuôi rộng lớn như Trung du miền núi phía Bắc, Duyên hải miền Trung, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên... Do đó, đổi mới phải có sự thay đổi về hệ thống sản xuất và cung ứng TĂCN phù hợp. Khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số phát triển mạnh mẽ sẽ tác động trực tiếp làm thay đổi nhiều ngành công nghệ trong hoạt động sản xuất, phân phối và quản lý thức ăn chăn nuôi.

Chính sách tái cơ cấu ngành Chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang hình thức chăn nuôi theo chuỗi liên kết đòi hỏi ngành Công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi thay đổi theo hướng chuyên môn hóa để đáp ứng kịp xu hướng này.

Có một nền công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện đại, không phụ thuộc việc nhập khẩu nguyên liệu, ngành Chăn nuôi Việt Nam mới có thể chủ động ứng phó với những rủi ro bất thường và phát triển bền vững. Để phát triển trong thời gian tới, ngành TĂCN cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Rà soát, điều chỉnh mạng lưới cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và khả năng xuất khẩu. Hạn chế mở mới và mở rộng quy mô các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp ở các khu vực đã có nhiều nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu nâng cao giá trị dinh dưỡng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Khuyến khích đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng biển, kho bãi chuyên dùng phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ, ngô đẫy, lúa chín sấp... kết hợp công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp.

- Nhà nước cần có chính sách khuyến khích chế biến phụ phẩm nông nghiệp thành thức ăn chăn nuôi. Với các trang trại nhỏ lẻ nên chủ động chuyển sang chăn nuôi theo hướng hữu cơ, sử dụng nguyên liệu sẵn có ở địa phương, tự chế biến thức ăn chăn nuôi để ít phụ thuộc vào thức ăn công nghiệp, qua đó giảm giá thành sản xuất và gia tăng giá trị sản phẩm. Để người chăn nuôi giảm bớt gánh nặng do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, Cục trưởng Cục Chăn nuôi Dương Tất Thắng cho biết: Cục đã kiến nghị giảm thuế nhập khẩu ngô từ 5% xuống 2%; lúa mì từ 3% xuống 0% và ưu đãi thuế cho những doanh nghiệp sản xuất ở vùng khó khăn. Về lâu dài, các địa phương cần

quy hoạch lại vùng nguyên liệu, chuyển đổi một phần diện tích đất trồng trọt hiệu quả thấp sang trồng ngô, sắn...; tăng cường liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi với cơ sở kinh doanh thóc gạo để thu mua tấm, cám gạo và phát triển sản xuất protein từ côn trùng để thay thế một phần nguyên liệu giàu đạm nhập khẩu hiện nay.

- Ngoài ra, để bớt phụ thuộc việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài, các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, xây dựng công thức khẩu phần thức ăn chăn nuôi có nguyên liệu trong nước để giảm giá thành sản phẩm và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Kinh tế tuần hoàn đang là xu hướng tất yếu của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam, nhất là khi đại dịch Covid-19 lan rộng đã định hình rõ hơn xu hướng đầu tư và phát triển bền vững. Việc tích hợp các dữ liệu sản xuất đó từ động vật, trang trại, lò giết mổ và ngành công nghiệp chế biến thịt sẽ cung cấp một cách tiếp cận tổng thể mới của chuỗi sản xuất, từ đó cho phép điều chỉnh nhiều hơn, điều chỉnh chính xác hơn khẩu phần ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của động vật và thiết lập kế hoạch cho ăn không chỉ dựa trên mục tiêu sản xuất mà còn giải quyết các khía cạnh vệ sinh, chất lượng sản phẩm, sức khỏe và tính bền vững. Một số doanh nghiệp lớn trong ngành đã triển khai ứng dụng Big Data; Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP); Điện toán đám mây; IOT (internet vạn vật), Blockchain ở mức độ cao, trên quy mô lớn, trong khi nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa mới đang triển khai một phần trên một số ứng dụng.

4. Kết luận

Ngành Sản xuất TĂCN đang đứng trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam và các nước tham gia hiệp định TPP và cộng đồng kinh tế ASEAN cần đổi mới mạnh mẽ các quan điểm về mở cửa thị trường, sử dụng tốt các giải pháp đề xuất nêu trên để phát triển ngành Sản xuất TĂCN Việt Nam hội nhập sâu vào thị trường quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 Phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045*.
2. VnFeedNews (2021), *Báo cáo thường niên thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022*.
3. Bộ Tài chính (2014), *Công văn số 5165/BTC-TCHQ ngày 21/4/2014 về miễn thuế GTGT cho mặt hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu*.
4. Lê Bá Lịch (2020), *Thức ăn chăn nuôi. Biện pháp hàng đầu phát triển chăn nuôi bền vững giai đoạn 2010 - 2020*.

5. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/1/2008 ban hành Chính sách phát triển chăn nuôi đến năm 2020.*
6. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ban hành ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày 1/1/2014.*
7. Chính phủ (2013), *Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực từ ngày 10/2/2014.*

Ngày nhận bài: 10/10/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/11/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/11/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN ĐỨC HẢI

Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Dương

NCS. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR THE DEVELOPMENT OF VIETNAMS ANIMAL FEED INDUSTRY IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

● Master. **NGUYEN DUC HAI**

Ph.D student, School of Economics and Business,
Vietnam National University - Hanoi

ABSTRACT:

Vietnam have signed many trade agreements which have brought both opportunities and challenges to domestic manufacturing industries including the animal feed industry. For example, after the Vietnam - European Union Trade Agreement (EVFTA) took effect on August 1, 2020, Vietnams livestock industry have to face an increasing competition from European products. Vietnam will exempt from duties on European frozen pork and processed food within 7 years from the effective date of the EVFTA while the import tax rate from 10 - 40 percent will be gradually reduced to 0 percent within 10 years. Although imported meat is quite cheap, most Vietnamese consumers still prefer fresh meat or domestically produced meat. This lowers the competitive pressure from the EVFTA on the domestic livestock industry. This study analyzes the opportunities and challenges facing Vietnams animal feed industry. The study also presents the current situation of the domestic animal feed industry to help the industry better respond to the new integration period.

Keywords: animal feed, integration, international integration.